

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2020/HS-ST

Ngày: 23- 9- 2020

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Tuấn Anh.

*Thẩm phán:* Ông Lê Khắc Thịnh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Hồng Phước.

Ông Huỳnh Minh Thức.

Ông Lê Văn Hùng.

**- Thư ký phiên tòa:**

Bà Phan Thị Kim Loan- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:**

Bà Nguyễn Thị Mai Trinh và bà Trần Thị Diễm- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công KH vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 20/2020/TLST-HS ngày 24 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2020/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 9 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. **Trương Văn S**, sinh năm 1971 tại tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú (HKTT): Số 14XX, ấp An T, xã Hội An Đ, huyện Lấp V, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Chăn nuôi; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Trương Văn N, sinh năm 1932 và bà Trần Thị C, sinh năm 1934; bị cáo có vợ và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ: Không; tạm giam: Ngày 09-12-2019. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Tháp (*có mặt tại phiên tòa*).

2. **Đặng Thị N**, sinh năm 1975 tại tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú (HKTT): Số 140A, ấp An T, xã Hội An Đ, huyện Lấp V, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Chăn nuôi; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Đặng Văn S1, sinh năm 1931 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1936; có chồng và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ: Không; tạm giam: Ngày 09-12-2019. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Tháp (*có mặt tại phiên tòa*).

- *Người bào chữa cho bị cáo Trương Văn S:*

Luật sư Lê Hữu Phước- Văn phòng Luật sư Lê Hữu Phước thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

Địa chỉ: Số 59, đường Võ Văn Trị, khóm Thuận Phú, phường Hòa Thuận, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người bào chữa cho bị cáo Đặng Thị N:*

Luật sư Dương Hữu Thanh Phương- Văn phòng Luật sư Dương Phương thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

Địa chỉ: Số 72, đường Lý Thường Kiệt, phường 2, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị hại:* Nguyễn Đình T, sinh năm 1962 (có mặt).

Địa chỉ: Số XX, đường XX, phường XX, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Hồ Văn H, sinh năm 1935 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 1X2, ấp An B, xã Định Y huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

2. Nguyễn Quốc Thuận, sinh năm 1982 (có mặt).

Địa chỉ: Số 1XX, ấp An P, xã Hội An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- *Người làm chứng:*

Nguyễn Thị Kim T1, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 4XX, khu dân cư ấp Tân B, xã Tân T2, huyện Lai Vớn, tỉnh Đồng Tháp.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trương Văn S, sinh năm 1971 và Đặng Thị N, sinh năm 1975 là vợ chồng cùng đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp An T1, xã Hội An Đ, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp. Nguồn sống chính của gia đình là chăn nuôi, nhưng do muốn có nhiều tiền để chi xài vào mục đích cá nhân nên khoảng giữa năm 2014, S tìm hiểu về đá thiên thạch trên mạng xã hội, sau đó S lấy cục đá gói lại bằng giấy than, cho vào bọc nylon quấn chặt lại, bỏ vào keo nước và tung tin rằng mình đang sở hữu đá thiên thạch có khả năng làm rạn gương, Đ đặc thủy ngân, hộp quẹt gas để gần sẽ bị nát vụn, đồng thời còn có tác dụng chữa các bệnh nan y.

Khoảng cuối năm 2014, Hồ Văn B, sinh năm 1968, đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp An X, xã Hội An Đ, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp biết được nên tìm đến gặp S và N đặt vấn đề nếu muốn bán thiên thạch thì sẽ dẫn người

đến mua, bán được phải chia tiền cho B, thì S và N đồng ý.

Do B có mối quan hệ quen biết với ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1960, đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường X, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh và B biết ông T đang tìm mua đá thiên thạch để trị bệnh, nên B dẫn ông T đến nhà của S, N để hỏi mua đá thiên thạch. S và N nói dối đá thiên thạch là của ông bà để lại, đang thờ cúng và hiện tại đá thiên thạch chưa hiển thị tác dụng và chỉ có vợ chồng S, N mới có thể làm lễ cầu khẩn xin ông bà cho đá hiển thị tác dụng, nếu ông T muốn mua thì phải đặt cọc. Do tin tưởng vào khả năng thiên thạch sẽ có tác dụng như lời S, N nói nên ông T đồng ý mua và đặt cọc số tiền 1.000.000.000 đồng, không có làm biên nhận. Để ông T tin tưởng, S yêu cầu ông T chuẩn bị kết sắt để đá thiên thạch vào để khi đá hiển thị tác dụng thì năng lượng sẽ không bị phát tán ra ngoài. Ông T nhờ S mua dùm kết sắt và đặt làm 01 hộp chì đem đến cho S để đá thiên thạch vào. Lợi dụng lúc ông T không để ý, S v tròn 01 tờ giấy than màu xanh bỏ vào hộp chì, đưa vào kết sắt giao cho ông T, nhưng chìa khóa và mật khẩu kết sắt do S giữ.

Để tạo lòng tin nhằm chiếm đoạt tiền nhiều hơn của ông T, vợ chồng S, N nhiều lần đến nhà ông T tại Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh giả làm lễ cầu khẩn và nói dối với ông T là hiện tại ông bà chưa đồng ý nên đá thiên thạch chưa có tác dụng mà phải tích cực cầu khẩn, làm từ thiện thể hiện sự thành tâm thì đá thiên thạch mới hiển thị và yêu cầu ông T đưa tiền thêm. Do tin tưởng nên Ông T đã đưa cho vợ chồng S, N một xe ô tô hiệu KIA biển số 56N- 30XX và số tiền 3.200.000.000 đồng để vợ chồng S, N sử dụng lên xuống nhà ông T làm lễ cầu khẩn và đi làm từ thiện.

Khoảng giữa năm 2016, S, N và B đi đến nhà ông Hồ Văn H, sinh năm 1935 (anh ruột của B) đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp An Đông, xã Định Yên, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp dựng lên chuyện có đá thiên thạch quý hiếm rơi xuống đất phía sau vườn nhà ông H nếu làm lễ cầu khẩn xin ông bà cho thiên thạch này hiển thị tác dụng thì bán được rất nhiều tiền. Để cho ông H tin tưởng sự việc trên là có thật, vợ chồng S, N cùng B dẫn ông H ra sau vườn cách nhà khoảng 40 mét đến 50 mét, chỉ chỗ có đá thiên thạch rơi nằm trong đất. Sau đó vài ngày, khoảng 22 giờ thì vợ chồng S, N và B cùng nhau đến nhà ông H, tất cả ra đúng vị trí trước đó đào tìm đá thiên thạch. Tại đây, S và N đốt nhang giả vờ khẩn vái, sau 30 phút thì S nói đã tìm được đá thiên thạch và kêu lấy keo (hủ) để đá thiên thạch vào, nhưng thực tế là lợi dụng lúc ông H không để ý, S nhặt cục đất sét để vào bịch ny lon màu đen buộc chặt rồi bỏ vào keo, đem vào nhà và dặn ông H không cho ai lại gần hoặc mở nắp keo vì có chất phóng xạ rất nguy hiểm. Sau đó, S về nhà v 04 cục đất sét thành hình tròn đem phơi khô rồi dùng S màu đen phủ lên, gói lại bằng giấy than màu xanh để vào bịch ny lon buộc lại bằng dây thun. Khi đã chuẩn bị xong “đá thiên thạch” thì S, N đến nhà ông H, giả vờ kiểm tra đá thiên thạch để lên lấy mấy cục đất trong keo ra tráo vào 04 cục đất sét mà S đã chuẩn bị từ trước.

Sau đó khoảng một tuần, Hồ Văn B giới thiệu với ông T là tại nhà ông Hồ Văn H (anh ruột của B) có đá thiên thạch cần bán, nên ông T điện thoại hỏi vợ chồng S, N đá thiên thạch tại nhà ông H có thật không? S, N trả lời là thật, cũng rất linh thiêng, nếu ông T cần mua thì cũng phải làm lễ cầu khấn cho đá hiển thị tác dụng giống như những lần trước. Qua hướng dẫn của vợ chồng S, N và B ông T đến nhà ông H thỏa thuận mua đá thiên thạch. S, B yêu cầu ông T đặt cọc 1.000.000.000 đồng, ông T đồng ý giao tiền và mang đá thiên thạch về nhà. Cách giao đá thiên thạch giả cũng giống như lần tại nhà của S, N, chìa khóa kết sắt và mật mã do vợ chồng S, N giữ. Sau khi ông T mang kết sắt ra về thì B, S, N, ông H tiến hành chia tiền. Cụ thể: S và N hưởng 600.000.000 đồng, Hồ Văn B hưởng 200.000.000 đồng, ông Hồ Văn H hưởng 200.000.000 đồng. Như vậy, vợ chồng S, N và B đã chiếm đoạt tổng số tiền của ông T là 5.200.000.000 đồng.

Đến ngày 07-8-2019, ông T biết bị vợ chồng S, N và B lừa đảo chiếm đoạt tài sản của mình nên đã làm đơn tố cáo gửi đến các ngành chức năng, yêu cầu xử lý nghiêm minh.

Đối với Hồ Văn B, ngoài việc cùng vợ chồng S, N lừa đảo chiếm đoạt tiền của ông T như đã nêu trên, trong quá trình điều tra còn thể hiện khoảng đầu năm 2019 Hồ Văn B đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt của ông T, tổng cộng số tiền là 2.380.000.000 đồng thông qua việc bán đá thiên thạch xảy ra tại huyện G R, tỉnh Kiên Giang. Hiện nay Hồ Văn B đã bỏ trốn, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Tháp đã ban hành Quyết định truy nã số 794/QĐ-CSHS ngày 02-12-2019, khi nào bắt được B sẽ tiếp tục xử lý sau.

\* Quá trình điều tra đã thu giữ, tạm giữ tài liệu đồ vật; xử lý vật chứng:

- Ông Nguyễn Đình T giao nộp:

+ 01 kết sắt hiệu S-PRO<sup>R</sup> SAFE màu xám, chiều dài 45cm, chiều rộng 45cm, chiều cao 35cm đã qua sử dụng (là kết sắt ông T đem về trong lần mua thiên thạch tại nhà S, N). Bên trong có 01 hộp kim loại hình trụ đường kính 7,8cm, chiều cao 10cm, trọng lượng 3,7kg, bên trong hộp kim loại là 02 mảnh giấy màu xanh (giấy than).

+ 01 kết sắt hiệu SOIL, Model: SLS-35C có thân màu đen, cửa mở khóa màu xám, chiều dài 47cm, chiều rộng 38cm, chiều cao 05cm, đã qua sử dụng (là kết sắt ông T đem về trong lần mua thiên thạch tại nhà ông H). Bên trong có 02 hộp kim loại hình trụ: 01 hộp có đường kính 12cm, chiều cao 16cm, trọng lượng 11 kg, 01 hộp có đường kính 12cm, chiều cao 16cm, trọng lượng 10,6 kg, bên trong mỗi hộp là 02 vật thể dạng hình khối tròn, bên ngoài được phủ bằng một lớp S màu đen, có dính bùn đất đã khô.

+ 01 giấy cam kết nhận 01 tỷ đồng của Hồ Văn H.

+ 01 giấy cam kết của Trương Văn S (viết tay).

+ 01 giấy cam kết của Trương Văn S (đánh máy).

- + 01 giấy biên nhận tiền có chữ ký của Trương Văn S và Đặng Thị N.
  - + 06 giấy biên nhận của Hồ Văn B nhận tiền của Nguyễn Đình T, nội dung mua bán đồng đen.
  - + 01 giấy xác nhận mua bán đồng đen của Hồ Văn B và Nguyễn Đình T.
  - Tạm giữ của Nguyễn Quốc Thuận 01 xe ô tô KIA biển số 56N-30XX; Giấy đăng ký xe ô tô, 01 giấy bảo hiểm xe và 01 giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô biển số 56N-3032 tên Nguyễn Đình T. Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra đã xử lý trao trả lại tài sản trên cho chủ sở hữu là ông Nguyễn Đình T.
  - Thu giữ trong quá trình khám xét chỗ ở của Trương Văn S, Đặng Thị N: 01 giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất số BB89015 tên Trương Văn S, 02 gói giấy bên trong có nhiều mảnh thủy tinh vỡ, 03 keo nhựa bên trong mỗi keo chứa chất lỏng màu trắng trong suốt, có 01 gói nilon được buộc bằng sợi dây thun (quá trình điều tra đã mở niêm phong kiểm tra xác định là viên đá được gói bằng giấy than), 01 tấm vải màu đỏ, 01 gói giấy than (bên trong là giấy báo được gói bằng băng keo màu vàng, bên trong có 01 tấm gương tráng thủy), 01 nhiệt kế, 05 mẫu hợp đồng chuyển nhượng đá thiên thạch, 03 bản cam kết bảo đảm hợp đồng, 01 cuộn băng keo màu vàng, 01 cuộn băng keo trong, 16 tờ giấy than màu xanh.
  - Thu giữ trong quá trình khám xét chỗ ở của Hồ Văn B: 02 quyển tập, 01 quyển sổ, 01 hộp diêm, 02 nhiệt kế, 03 hợp đồng mua bán liên quan đến thiên thạch.
  - Thu tại nhà của Nguyễn Thị Kim T 01 khối kim loại hình trụ đường kính 7,5cm, chiều cao 9cm, trọng lượng 3,4kg.
  - \* Tại Kết luận giám định số 855/KL-KTHS ngày 24-10-2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp kết luận 04 vật thể dạng hình khối tròn, bên ngoài được phủ bằng một lớp S màu đen, có dính bùn đất đã khô để trong 02 hộp chì có thành phần chính là đất sét.
  - \* Tại bản Kết luận giám định số 848, 849/KL-KTHS ngày 23-10-2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp kết luận chữ viết tên và chữ ký trong các biên nhận là của các bị cáo Trương Văn S và Đặng Thị N.
  - \* Tại bản Kết luận giám định số 510/KLGD-KTHS ngày 11-6-2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp kết luận chữ viết và chữ ký trong các biên nhận thu là của Hồ Văn B.
  - \* Tại bản Kết luận định giá tài sản số 11 ngày 14-5-2020, quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trên thửa số 353, tờ bản đồ số 01a, diện tích 819 m<sup>2</sup> có giá trị theo bảng giá đất của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp là 1.496.034.751 đồng, theo giá thị trường là 1.842.471.751 đồng.
- Các bị cáo Trương Văn S và Đặng Thị N đã nộp bồi thường cho bị hại số tiền 250.000.000 đồng, đã trao trả cho bị hại Nguyễn Đình T. Đối với thửa đất

số 353 và căn nhà cấp 4 nằm trên thửa đất trị giá tính theo giá thị trường là 1.842.471.751 đồng thì ở quá trình điều tra các bị cáo S, N thống nhất giao cho bị hại T để bồi thường số tiền chiếm đoạt chưa hoàn trả, ông T đồng ý nhận để giảm trừ một phần trách nhiệm bồi thường dân sự của các bị cáo S, N.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc vợ chồng các bị cáo S, N bồi thường cho bị hại T tổng số tiền 5.000.000.000 đồng, trong đó số tiền 4.200.000.000 đồng là số tiền S, N trực tiếp chiếm đoạt, số tiền 600.000.000 đồng được hưởng lợi từ việc bán đá thiên thạch giả tại nhà ông H và số tiền 200.000.000 đồng mà S, N chia cho Hồ Văn B từ việc bán đá thiên thạch giả tại nhà ông Hồ Văn H, do B có vai trò đồng phạm nhưng hiện nay B đã bỏ trốn nên S, N phải chịu trách nhiệm bồi thường. Đồng thời, ông Hồ Văn H cũng được chia 200.000.000 đồng, nên buộc ông H phải trả lại số tiền được hưởng lợi cho ông T.

Trong quá trình điều tra các bị cáo Trương Văn S, Đặng Thị N đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung nêu trên, lời KH của các bị cáo phù hợp với lời KH của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Tại Cáo trạng số 05/CT-VKS- P1 ngày 24 tháng 7 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã truy tố các bị cáo Trương Văn S, Đặng Thị N về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo Trương Văn S, Đặng Thị N đã thừa nhận toàn bộ hành vi của các bị cáo như nội dung bản Cáo trạng truy tố, các bị cáo KH nhận để có tiền tiêu xài vợ chồng bị cáo đã thực hiện hành vi gian dối sử dụng giấy than, đất sét làm giả đá thiên thạch bán cho ông Nguyễn Đình T để chiếm đoạt số tiền đặt cọc tổng cộng là 5.200.000.000 đồng. Các bị cáo đồng ý bồi thường cho ông T 5.000.000.000 đồng, trừ vào 250.000.000 đồng đã bồi thường ở giai đoạn điều tra, vậy các bị cáo còn phải bồi thường tiếp tục cho bị hại Nguyễn Đình T là 4.750.000.000.000 đồng. Các bị cáo đồng ý để ông T lấy nhà, đất của các bị cáo tại ấp An T1, xã Hội An Đ, huyện Lấp V, tỉnh Đồng Tháp để trừ vào số tiền chiếm đoạt còn phải trả cho bị hại T ở giai đoạn thi hành án, sau khi cần trừ tài sản mà vẫn còn nợ số tiền chiếm đoạt chưa trả hết thì đồng ý sau này tiếp tục trả cho ông T nếu có điều kiện. Đối với ông Hồ Văn H thì các bị cáo KH rằng ông H không phải là đồng phạm cùng với các bị cáo, vì các bị cáo nói dối ông H là nhà của ông H có đá thiên thạch rơi, ông H không biết nên tin là thật, ông H cũng bị các bị cáo lừa gạt, việc các bị cáo chia cho ông H nhận 200.000.000 đồng chỉ vì lý do cho rằng đá thiên thạch ở trên đất của ông H.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị hại Nguyễn Đình T thừa nhận có quen biết với Hồ Văn B, B biết ông T đang tìm mua đá thiên thạch để trị bệnh nên B dẫn ông T đến nhà của các bị cáo S, N để hỏi mua đá thiên thạch thì S, N nói dối là có đá

thiên thạch, đá này là do ông, bà để lại đang thờ cúng và hiện tại đá thiên thạch chưa hiển thị tác dụng, chỉ có vợ chồng S, N mới có thể làm lễ cầu khẩn xin ông bà cho đá hiển thị tác dụng, nếu ông T muốn mua thì phải đặt cọc. Do tin tưởng nên ông T đặt cọc cho các bị cáo 4.200.000.000 đồng, đưa xe ô tô hiệu KIA biển số 65N-30XX cho các bị cáo sử dụng. Sau đó cũng vì tin lời các bị cáo và Hồ Văn B cho rằng nhà ông Hồ Văn H có đá thiên thạch nên ông T đưa cho các bị cáo số tiền 1.000.000.000 đồng để đặt cọc mua đá thiên thạch nhà ông H, số tiền này các bị cáo, Hồ Văn B và ông Hồ Văn H chia nhau thế nào thì ông T không biết. Ông T cũng thừa nhận vì quá tin tưởng vào lời nói của các bị cáo và B là đá thiên thạch có tác dụng chữa bệnh, nên không kiểm tra kỹ đá thiên thạch là thật hay giả, do vậy mà mắc lừa các bị cáo và B. Tại phiên tòa, ông T yêu cầu các bị cáo bồi thường cho ông số tiền 5.000.000.000 đồng, trừ vào 250.000.000 đồng mà các bị cáo đã bồi thường ở giai đoạn điều tra, buộc các bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho ông 4.750.000.000 đồng. Ông T chấp nhận sự tự nguyện của các bị cáo về việc đồng ý cho ông T lấy tài sản của các bị cáo là đất và nhà tại ấp An T1, xã Hội An Đ, huyện Lấp V, tỉnh Đồng Tháp để trừ vào số tiền chiếm đoạt mà các bị cáo chưa bồi thường. Bên cạnh đó, ông T còn yêu cầu ông Hồ Văn H phải trả lại cho ông T 200.000.000 đồng là số tiền mà ông H được hưởng lợi từ hành vi lừa đảo của các bị cáo và Hồ Văn B. Ông T khẳng định ông Hồ Văn H không có hành vi lừa đảo ông T, mà người lừa đảo ông T là các bị cáo và Hồ Văn B. Tại phiên tòa, ông T xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo Trương Văn S, Đặng Thị N về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự, số tiền các bị cáo chiếm đoạt của bị hại Nguyễn Đình T là 5.200.000.000 đồng. Trong vụ án này, tuy các bị cáo cùng là đồng phạm nhưng không thể hiện có sự phân công bàn bạc, cấu kết chặt chẽ, sắp đặt vai trò, vị trí cụ thể, nên đây chỉ là vụ án đồng phạm giản đơn, tuy nhiên bị cáo S có vai trò chính. Các bị cáo nhiều lần dùng thủ đoạn gian dối lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị hại, nên phải bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo bồi thường được một phần trách nhiệm dân sự; ăn năn hối cải, thành khẩn KH báo và được bị hại xin giảm giảm nhẹ hình phạt nên được xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Từ đó, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Trương Văn S mức án từ 13 năm tù đến 15 năm tù, xử phạt bị cáo Đặng Thị N mức án từ 12 năm tù đến 14 năm tù. Về hình phạt bổ sung: Đề nghị miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Kiểm sát viên đề nghị căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 589 Bộ luật dân sự để buộc các bị cáo Trương Văn S, Đặng Thị N

bồi thường cho bị hại Nguyễn Đình T số tiền 5.000.000.000 đồng nhưng được khấu trừ 250.000.000 đồng đã nộp trong quá trình điều tra. Buộc các bị cáo tiếp tục bồi thường cho ông T 4.750.000.000 đồng. Ghi nhận sự tự nguyện của các bị cáo và ông T về việc các bị cáo dùng tài sản là nhà, đất tại ấp An T, xã Hội A Đ, huyện Lấp V, tỉnh Đồng Tháp để cản trở cho ông T vào phần tiền chiếm đoạt mà các bị cáo chưa có khả năng trả lại ông T. Tiếp tục quản lý kê biên 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất của Trương Văn S để bảo đảm thi hành án.

Đề nghị buộc ông Hồ Văn H trả lại cho ông Nguyễn Đình T 200.000.000 triệu đồng được hưởng lợi từ việc mua bán đá thiên thạch.

Về vật chứng: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết như quyết định của Cáo trạng. Trong đó: Đối với các tang vật gồm 06 giấy biên nhận của Hồ Văn B nhận tiền của Nguyễn Đình T, nội dung mua bán đồng đen; 01 giấy xác nhận mua bán đồng đen của Hồ Văn B và Nguyễn Đình T; 02 quyển tập; 01 quyển sổ; 01 hộp diêm; 02 nhiệt kế; 03 hợp đồng mua bán liên quan đến thiên thạch thu trong quá trình khám xét tại nhà B; 01 hộp kim loại đường kính 7,5cm; chiều cao 09cm; trọng lượng 3,4kg (thu tại nhà bà Tươi) do đã tách ra để xử lý trong vụ án Hồ Văn B về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên không đặt ra xử lý trong vụ án này.

Đối với Hồ Văn B, Kiểm sát viên nhận định B có hành vi giúp sức cho các bị cáo S, N lừa đảo bán đá thiên thạch giả cho ông T tại nhà ông Hồ Văn H để chiếm đoạt số tiền 1.000.000.000 đồng, trong đó hưởng lợi cá nhân số tiền 200.000.000 đồng. Ngoài ra, B còn lừa đảo ông T mua đá thiên thạch giả tại huyện G R, tỉnh Kiên Giang để chiếm đoạt số tiền 2.380.000.000 đồng. Tuy nhiên sau khi khởi tố vụ án thì Hồ Văn B bỏ trốn, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Tháp đã Quyết định truy nã số 749/QĐ-CSHS ngày 02- 12- 2019 nên đã tách vụ án cùng tang vật có liên quan tiếp tục điều tra, xử lý sau.

Tại phiên tòa, Luật sư Lê Hữu Phước bào chữa cho bị cáo Trương Văn S phát biểu thống nhất với tội danh, điều luật mà Viện kiểm sát đã truy tố bị cáo Trương Văn S. Luật sư nhận thấy bị cáo Trương Văn S có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo đã bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại, bị cáo thành khẩn KH báo, tỏ ra ăn năn, hối cải; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Ngoài ra, Luật sư thấy rằng nguyên nhân bị cáo S phạm tội là do gia đình bị cáo chăn nuôi cá bị thua lỗ, lâm vào nợ nần, trong cảnh khốn cùng buộc bị cáo phải phạm tội để lấy tiền trả nợ và tiêu xài, nay bị cáo có thiện chí là sẽ dùng tài sản là nhà, đất của mình để cản trở vào số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại ở giai đoạn thi hành án. Từ đó, Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt đến mức thấp nhất cho bị cáo Trương Văn S.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Luật sư Dương Hữu Thanh Phương bào chữa cho

bị cáo Đặng Thị N phát biểu thống nhất với tội danh, điều luật mà Viện kiểm sát đã truy tố bị cáo Đặng Thị N. Luật sư cho rằng bị cáo Đặng Thị N chưa có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt, bị cáo đã bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại, bị cáo thành khẩn KH báo, ăn năn, hối cải; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Ngoài ra, nguyên nhân bị cáo phạm tội là do gia đình bị cáo làm ăn thua lỗ bị lâm nợ, vì túng quẫn nên bị cáo phải phạm tội để lấy tiền trả nợ và tiêu xài, nay bị cáo cũng có thiện chí là sẽ dùng tài sản là nhà, đất cùng bị cáo S để cấn trừ vào số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại. Từ đó, Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt đến mức thấp nhất cho bị cáo Đặng Thị N.

Tại phần tranh luận, các bị cáo Trương Văn S, Đặng Thị N không tham gia tranh luận. Trong lời nói sau cùng, các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo sớm về với gia đình, hòa nhập cộng đồng, có cơ hội làm lại cuộc đời.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Đồng Tháp, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự. Từ khi khởi tố vụ án cho đến tại phiên tòa sơ thẩm những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Xét thấy, các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét thấy tại phiên tòa, lời KH thừa nhận thực hiện hành vi của các bị cáo Trương Văn S, Đặng Thị N phù hợp với nội dung Cáo trạng truy tố, phù hợp với lời KH của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng trong quá trình điều tra, phù hợp với vật chứng thu giữ được và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[3] Từ đó đủ cơ sở khẳng định: Chỉ vì muốn có tiền tiêu xài mà các bị cáo Trương Văn S, Đặng Thị N thực hiện hành vi gian dối là sử dụng đất sét, giấy than làm giả đá thiên thạch rồi kêu bán cho bị hại Nguyễn Đình T, ông T vì tin vào lời nói và các nghi thức thờ cúng gian dối của các bị cáo nên lầm tưởng đá thiên thạch giả là thật và đặt cọc cho các bị cáo với tổng số tiền 5.200.000.000 đồng và các bị cáo đã chiếm đoạt số tiền này của ông T.

[4] Hành vi của các bị cáo Trương Văn S, Đặng Thị N đủ cơ sở cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp và là đồng

phạm nhưng thuộc loại giản đơn, tuy nhiên Trương Văn S giữ vai trò chính vì là người chủ động hơn khi thực hiện hành vi. Xét thấy, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bị hại. Ngoài lời nói dối, các bị cáo còn sử dụng thủ đoạn mê tín dị đoan là hoạt động phản khoa học, bị nghiêm cấm, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải được xử lý nghiêm minh để giữ gìn sự tôn nghiêm của pháp luật và cũng nhằm giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích, góp phần răn đe và phòng ngừa chung. Vì giữ vai trò chính, nên bị cáo S phải chịu mức hình phạt cao hơn mức hình phạt của bị cáo N.

[5] Tuy nhiên xét về nhân thân, Hội đồng xét xử thấy rằng các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đã bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại và đã thành khẩn KH báo nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị hại Nguyễn Đình T xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo đã nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội, nên thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[8] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy hoàn cảnh của các bị cáo khó khăn nên không áp dụng.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 589 Bộ luật dân sự.

Buộc các bị cáo Trương Văn S, Đặng Thị N liên đới bồi thường cho bị hại Nguyễn Đình T số tiền 5.000.000.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền 250.000.000 đồng đã bồi thường trong quá trình điều tra. Như vậy, các bị cáo Trương Văn S, Đặng Thị Nga còn phải liên đới bồi thường tiếp tục cho bị hại Nguyễn Đình T số tiền 4.750.000.000 đồng.

Buộc ông Hồ Văn H trả lại cho ông Nguyễn Đình T số tiền 200.000.000 triệu đồng được hưởng lợi từ việc mua bán đá thiên thạch giả của các bị cáo.

[10] Đối với sự tự nguyện của các bị cáo Trương Văn S, Đặng Thị N và bị hại Nguyễn Đình T về việc đồng ý lấy các tài sản là nhà và đất của các bị cáo tại thửa đất số 353, tờ bản đồ số 01a, diện tích đất 819m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp An T1, xã Hội An Đ, huyện Lấp V, tỉnh Đồng Tháp theo “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số BB 899015 (số vào sổ CH 00264) do Ủy ban nhân dân huyện Lấp V, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 06-7-2010 cho Trương Văn S để ở giai đoạn thi hành án trừ vào số tiền chiếm đoạt còn lại mà các bị cáo chưa bồi thường cho bị hại thì Hội đồng xét xử ghi nhận. Tiếp tục quản lý tài sản kê biên là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên

để đảm bảo thi hành án.

[11] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47, 48 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận theo đề nghị của Viện kiểm sát tại quyết định của Cáo trạng và phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm.

[12] Về án phí: Các bị cáo Trương Văn S, Đặng Thị N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hồ Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[13] Đối với Hồ Văn B có hành vi giúp sức cho các bị cáo S, Nga lừa đảo bán đá thiên thạch giả cho ông T tại nhà ông Hồ Văn H để chiếm đoạt số tiền 1.000.000.000 đồng, trong đó hưởng lợi cá nhân số tiền 200.000.000 đồng. Ngoài ra, B còn lừa đảo ông T mua đá thiên thạch giả tại huyện G R, tỉnh Kiên Giang để chiếm đoạt số tiền 2.380.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau khi khởi tố vụ án thì Hồ Văn B bỏ trốn, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Tháp đã ra Quyết định truy nã số 749/QĐ-CSHS ngày 02- 12- 2019 và đã tách vụ án cùng tang vật có liên quan tiếp tục điều tra, xử lý sau là có cơ sở.

[14] Xét thấy phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận. Phát biểu của Luật sư tại phiên tòa là cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét, cân nhắc khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố các bị cáo Trương Văn S, Đặng Thị N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trương Văn S 13 (mười ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam bị cáo (ngày 09- 12- 2019).

Xử phạt bị cáo Đặng Thị N 12 (mười H) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam bị cáo (ngày 09- 12- 2019).

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự và các Điều 584, 589 Bộ luật dân sự.

Buộc các bị cáo Trương Văn S, Đặng Thị N phải liên đới bồi thường cho bị hại Nguyễn Đình T số tiền 4.750.000.000 đồng (Bốn tỷ bảy trăm năm mươi triệu đồng).

Buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hồ Văn H phải trả lại cho bị hại Nguyễn Đình T số tiền 200.000.000 triệu đồng (H trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền nêu trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chưa thi hành án cho đến khi thi hành án xong.

### 3. Về vật chứng:

Căn cứ Điều 47, 48 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

#### 3.1. Tịch thu tiêu hủy:

- + 02 gói giấy bên trong có nhiều mảnh thủy tinh vỡ.
- + 03 keo nhựa, bên trong mỗi keo chứa chất lỏng màu trắng trong suốt, bên trong mỗi keo có 01 gói nilon được buộc bằng sợi dây thun.
- + 01 tấm vải màu đỏ.
- + 01 gói giấy than (bên trong là giấy báo được gói bằng băng keo màu vàng, bên trong có 01 tấm gương tráng thủy) và 01 nhiệt kế.
- + 05 mẫu hợp đồng chuyển nhượng đá thiên thạch.
- + 03 bản cam kết bảo đảm hợp đồng.
- + 01 cuộn băng keo màu vàng.
- + 01 cuộn băng keo trong.
- + 16 tờ giấy than màu xanh.
- + 04 vật thể dạng hình khối tròn (đất sét).
- + 02 mảnh giấy màu xanh (giấy than).

#### 3.2. Lưu hồ sơ vụ án:

01 giấy cam kết nhận 01 tỷ đồng của Hồ Văn H; 01 giấy cam kết của Trương Văn S (viết tay); 01 giấy cam kết của Trương Văn S (đánh máy); 01 giấy biên nhận tiền có chữ ký của Trương Văn S và Đặng Thị N.

#### 3.3. Trả bị hại Nguyễn Đình T:

- + 01 hộp kim loại hình trụ đường kính 7,8cm, chiều cao 10cm, trọng lượng 3,7kg.
- + 01 hộp kim loại có đường kính 12cm, chiều cao 16cm, trọng lượng 11 kg.
- + 01 hộp kim loại có đường kính 12cm, chiều cao 16cm, trọng lượng 10,6 kg.
- + 01 két sắt hiệu S-PRO<sup>R</sup> SAFE màu xám, chiều dài 45cm, chiều rộng 45cm, chiều cao 35cm (đã qua sử dụng);
- + 01 két sắt hiệu SOIL, Model: SLS-35C có thân màu đen, cửa mở khóa

màu xám, chiều dài 47cm, chiều rộng 38cm, chiều cao 05cm (đã qua sử dụng).

4. Về tài sản kê biên: Tiếp tục quản lý tài sản kê biên là 01 giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất số BB899015 (số vào sổ CH 00264) tên Trương Văn S để bảo đảm thi hành án.

*(Các tài liệu, vật chứng nêu tại tiểu mục 3.1; 3.3 và Mục 4 hiện do Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp quản lý theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 07-8-2020 giữa PC 02 Đồng Tháp và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp)*

5. Về án phí:

Căn cứ Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và các điểm a, c khoản 1 Điều 23; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30- 12- 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Trương Văn S, Đặng Thị N mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (H trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và liên đới chịu 112.750.000 đồng (Một trăm mười H triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hồ Văn H phải chịu 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết đúng quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN      THẨM PHÁN      THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Minh Thức    Lê Văn Hùng    Lê Khắc Thịnh**

**Nguyễn Tuấn Anh**

**Nguyễn Thị Hồng Phước**